

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880  
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 – 7</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>8 – 33</b>
Bảng cân đối kế toán	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 – 14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	15 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 565 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng 565 là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 3262/QĐ-BQP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 25.03.000136 cấp lần đầu ngày 06 tháng 02 năm 2007 và 05 lần thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **29.593.140.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 33).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mai Ngọc Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Hải	Ủy viên
Ông Trịnh Văn Tấn	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên
Ông Đinh Ngọc Kiên	Ủy viên



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

---

### **BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Vũ Tuyên	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Trịnh Văn Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Trịnh Văn Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Mai Ngọc Kiên	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Giám đốc	
Ông Đặng Văn Doan	Phó Giám đốc	
Ông Trần Quang Vịnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2014
Ông Đinh Ngọc Kiên	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2014

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

---

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hòa Bình, ngày 05 tháng 8 năm 2015

**TM. Ban Giám đốc**

Giám đốc



**Nguyễn Văn Vũ Tuyên**



Số: ~~283~~ /2015/BCKT-AASCN**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng 565, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2014, từ trang 08 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng 565 có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

***Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược***

- Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, do đó chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho tại thời điểm cuối năm. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 với nguyên giá của tài sản cố định là 96.593.123.992 đồng (giá trị còn lại tương ứng là 8.923.253.442 đồng); giá trị nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho là 4.776.071.355 đồng. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với tài sản cố định; nguyên vật liệu



và hàng hóa tồn kho đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa thực hiện đánh giá và phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Nếu thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tăng lên và giảm đi cùng số tiền là 22.445.267.477 đồng, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán giảm đi số tiền 22.445.267.477 đồng.
- Trong năm 2014, Công ty đang phân bổ thiếu “Chi phí trả trước ngắn hạn” và “chi phí trả trước dài hạn” với số tiền lần lượt là 2.147.944.171 đồng và 85.055.384 đồng. Nếu thực hiện phân bổ các chi phí nêu trên sẽ làm cho “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Giá vốn hàng bán” tăng lên lần lượt là 85.055.384 đồng và 2.147.944.171 đồng và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán cùng giảm đi số tiền là 2.232.999.555 đồng.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” đang lớn hơn sản lượng dở dang có thể được nghiệm thu thanh toán với số tiền là 71.416.984.671 đồng. Nếu thực hiện ghi nhận chi phí nêu trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 sẽ làm cho “Giá vốn hàng bán” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng lên và giảm đi cùng số tiền là 71.416.984.671 đồng. “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Hàng tồn kho” trên bảng cân đối kế toán cùng giảm đi với số tiền là 71.416.984.671 đồng.
- Các khoản công nợ phải thu và phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ với các đối tượng có liên quan. Cụ thể tỷ lệ xác nhận:

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2014	Số chưa được đối chiếu, xác nhận	Tỷ lệ chưa được đối chiếu
Phải thu khách hàng	72.887.539.677	72.887.539.677	100%
Trả trước cho người bán	13.561.199.167	13.561.199.167	100%
Phải thu khác	11.348.509.767	11.348.509.767	100%
Phải trả người bán	73.304.748.355	73.304.748.355	100%
Người mua trả tiền trước	30.430.180.990	30.430.180.990	100%
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.182.869.340	21.182.869.340	100%

Việc mở rộng thủ tục kiểm toán một cách đầy đủ nhằm đảm bảo cho tính đúng đắn của khoản nợ phải thu và phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là không thể thực hiện được. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ nêu trên và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>242.699.805.384</b>	<b>272.658.520.507</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>876.975.166</b>	<b>537.776.395</b>
1.	Tiền	111	V.01	876.975.166	537.776.395
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>90.296.592.161</b>	<b>101.525.756.103</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		72.887.539.677	93.609.101.932
2.	Trả trước cho người bán	132		13.561.199.167	8.222.870.640
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	11.348.509.767	7.194.439.981
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(7.500.656.450)	(7.500.656.450)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>148.237.654.474</b>	<b>166.576.975.911</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	148.237.654.474	166.576.975.911
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.288.583.583</b>	<b>4.018.012.098</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.147.944.171	3.082.507.812
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	6.713.045	6.713.045
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.133.926.367	928.791.241



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>9.933.795.940</b>	<b>14.758.105.788</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.923.253.442</b>	<b>13.747.563.290</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	8.923.253.442	13.747.563.290
	- Nguyên giá	222		96.593.123.992	96.547.123.992
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(87.669.870.550)	(82.799.560.702)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>734.112.500</b>	<b>734.112.500</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	734.112.500	734.112.500
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>276.429.998</b>	<b>276.429.998</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	276.429.998	276.429.998
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>252.633.601.324</b>	<b>287.416.626.295</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>283.083.039.860</b>	<b>295.068.654.267</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>280.250.152.060</b>	<b>290.685.624.890</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	124.008.065.733	124.500.609.425
2.	Phải trả người bán	312		73.304.748.355	81.034.593.280
3.	Người mua trả tiền trước	313		30.430.180.990	52.384.406.697
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	7.385.749.673	6.619.146.926
5.	Phải trả người lao động	315		5.135.133.044	7.600.863.873
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	11.254.540.478	3.566.658.581
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	27.517.504.781	13.708.865.102
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.214.229.006	1.270.481.006
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.832.887.800</b>	<b>4.383.029.377</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	2.832.887.800	4.383.029.377
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(30.449.438.536)</b>	<b>(7.652.027.972)</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>(30.449.438.536)</b>	<b>(7.652.027.972)</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.593.140.000	29.593.140.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3.721.146.633	3.721.146.633
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		668.124.305	668.124.305
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(64.431.849.474)	(41.634.438.910)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>252.633.601.324</b>	<b>287.416.626.295</b>



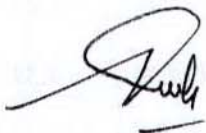
**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)****CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

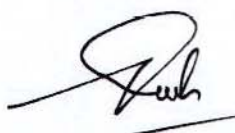
STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại USD		33,84	44,72
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Trần Quang Vịnh

Kế toán trưởng



Trần Quang Vịnh

Hòa Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Trần Vũ Tuyên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

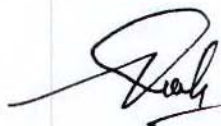
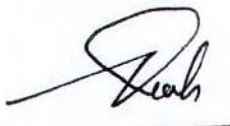
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	72.791.791.133	124.918.635.554
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		72.791.791.133	124.918.635.554
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	72.858.513.776	125.796.491.256
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(66.722.643)	(877.855.702)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	39.220.271	137.399.863
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	15.079.847.901	17.400.261.937
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.079.847.901	17.400.261.937
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.697.970.291	10.430.614.516
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.805.320.564)	(28.571.332.292)
11.	Thu nhập khác	31		7.910.000	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	-	204.703.000
13.	Lợi nhuận khác	40		7.910.000	(204.703.000)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(22.797.410.564)	(28.776.035.292)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(22.797.410.564)	(28.776.035.292)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	(7.704)	(9.724)

Hòa Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trần Quang Vịnh

Trần Quang Vịnh

Trần Vũ Tuyên



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		44.456.695.603	132.540.283.929
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31.744.213.137)	(94.714.170.502)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.278.938.813)	(16.088.201.762)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(7.391.966.004)	(14.914.720.266)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.090.833.736	394.496.148
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		2.256.252.384	(1.756.806.993)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.388.663.769</b>	<b>5.460.880.554</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(46.000.000)	(16.818.182)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(63.670.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.220.271	12.147.340
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(6.779.729)</b>	<b>(68.340.842)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

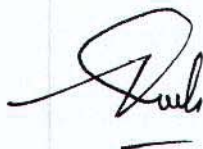
Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29.035.208.688	64.988.435.327
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.077.893.957)	(72.078.823.263)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.042.685.269)</b>	<b>(7.090.387.936)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>339.198.771</b>	<b>(1.697.848.224)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>537.776.395</b>	<b>2.235.624.619</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>876.975.166</b>	<b>537.776.395</b>

Người lập biểu



Trần Quang Vịnh

Kế toán trưởng



Trần Quang Vịnh

Hòa Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Trần Vũ Tuyên



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2014**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật (công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm điện, nước sinh hoạt, công trình ngầm dưới đất - dưới nước, đường ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật);
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.



Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

## **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

## **04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

### **06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là lợi thế kinh doanh phát sinh khi chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận



trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền mặt	588.934.597	170.269.934
- Tiền gửi ngân hàng	288.040.569	367.506.461
<b>Cộng</b>	<b>876.975.166</b>	<b>537.776.395</b>

**02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Phải thu khác	11.348.509.767	7.194.439.981
+ Các đối, xí nghiệp	10.127.917.688	6.147.341.101
+ Công ty Cổ phần Vinaconex 12	175.000.000	175.000.000
+ Các đối tượng khác	1.045.592.079	872.098.880
<b>Cộng</b>	<b>11.348.509.767</b>	<b>7.194.439.981</b>

**03. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Nguyên liệu, vật liệu	4.765.584.563	11.337.349.182
- Công cụ, dụng cụ	10.486.792	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	143.461.583.119	155.239.626.729
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>148.237.654.474</b>	<b>166.576.975.911</b>

**04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.713.045	6.713.045
<b>Cộng</b>	<b>6.713.045</b>	<b>6.713.045</b>

**05. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	1.133.926.367	928.791.241
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.133.926.367</b>	<b>928.791.241</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.348.415.494</b>	<b>62.732.593.729</b>	<b>30.443.535.038</b>	<b>1.022.579.731</b>	<b>96.547.123.992</b>
- Mua trong năm	-	-	-	46.000.000	46.000.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.348.415.494</b>	<b>62.732.593.729</b>	<b>30.443.535.038</b>	<b>1.068.579.731</b>	<b>96.593.123.992</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.143.600.765</b>	<b>53.524.139.408</b>	<b>27.183.499.952</b>	<b>948.320.577</b>	<b>82.799.560.702</b>
- Khấu hao trong năm	164.389.068	3.183.677.699	1.489.371.412	32.871.669	4.870.309.848
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.307.989.833</b>	<b>56.707.817.107</b>	<b>28.672.871.364</b>	<b>981.192.246</b>	<b>87.669.870.550</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.204.814.729</b>	<b>9.208.454.321</b>	<b>3.260.035.086</b>	<b>74.259.154</b>	<b>13.747.563.290</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.040.425.661</b>	<b>6.024.776.622</b>	<b>1.770.663.674</b>	<b>87.387.485</b>	<b>8.923.253.442</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 53.303.861.595 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt theo số sách là 95.241.805.917 đồng và 7.549.947.344 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>734.112.500</b>		<b>734.112.500</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	42.472	734.112.500	42.472	734.112.500
<b>Cộng</b>		<b>734.112.500</b>		<b>734.112.500</b>

**08. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi thế kinh doanh	276.429.998	276.429.998
<b>Cộng</b>	<b>276.429.998</b>	<b>276.429.998</b>

**09. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>124.008.065.733</b>	<b>124.500.609.425</b>
- Vay ngân hàng	123.208.065.733	124.500.609.425
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình <sup>(a)</sup>	123.208.065.733	124.500.609.425
- Vay đối tượng khác	800.000.000	-
+ Ông Trịnh Tuấn Chính	800.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>124.008.065.733</b>	<b>124.500.609.425</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng hạn mức số 01/2014/HĐTDHM/645200 để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên vay, Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể và áp dụng thả nổi theo quy định của BIDV Hòa Bình trong từng thời kỳ nhưng không vượt quá quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước.

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	7.359.225.064	6.247.136.617
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	26.524.609	26.524.609
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	345.485.700
<b>Cộng</b>	<b>7.385.749.673</b>	<b>6.619.146.926</b>

**11. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay phải trả	10.543.295.188	2.855.413.291
- Chi phí trích nộp Bộ Quốc phòng	711.245.290	711.245.290
<b>Cộng</b>	<b>11.254.540.478</b>	<b>3.566.658.581</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	186.575.806	186.575.806
- Kinh phí công đoàn	905.190.431	755.736.752
- Bảo hiểm xã hội	4.083.370.233	2.580.936.597
- Bảo hiểm y tế	757.559.963	622.329.541
- Bảo hiểm thất nghiệp	401.939.008	289.872.548
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.182.869.340	9.273.413.858
+ Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	16.189.433.632	3.967.948.636
+ Cổ tức phải trả	115.375.825	115.375.825
+ Các đối tượng khác	4.878.059.883	5.190.089.397
<b>Cộng</b>	<b>27.517.504.781</b>	<b>13.708.865.102</b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>2.832.887.800</b>	<b>4.383.029.377</b>
- Vay dài hạn ngân hàng	2.832.887.800	4.383.029.377
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình <sup>(a)</sup>	2.832.887.800	4.383.029.377
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>2.832.887.800</b>	<b>4.383.029.377</b>

- <sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình để đầu tư mua máy móc, thiết bị tăng năng lực thiết bị xây lắp giai đoạn I – năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng tại ngân hàng BIDV cộng 4%/năm, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2010.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>3.721.146.633</b>	<b>668.124.305</b>	<b>(12.858.403.618)</b>	<b>21.124.007.320</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(28.776.035.292)	(28.776.035.292)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>3.721.146.633</b>	<b>668.124.305</b>	<b>(41.634.438.910)</b>	<b>(7.652.027.972)</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>					
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(22.797.410.564)	(22.797.410.564)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>3.721.146.633</b>	<b>668.124.305</b>	<b>(64.431.849.474)</b>	<b>(30.449.438.536)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	15.635.690.000	15.635.690.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	13.957.450.000	13.957.450.000
<b>Cộng</b>	<b>29.593.140.000</b>	<b>29.593.140.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.593.140.000	29.593.140.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.593.140.000	29.593.140.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.959.314	2.959.314
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu phổ thông	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu phổ thông	2.959.314	2.959.314
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán thành phẩm	1.112.967.752	476.000.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	955.265.593	1.350.545.455
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	70.723.557.788	123.092.090.099
<b>Cộng</b>	<b>72.791.791.133</b>	<b>124.918.635.554</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	962.361.788	477.379.056
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	248.889.631	1.147.963.636
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	71.647.262.357	124.171.148.564
<b>Cộng</b>	<b>72.858.513.776</b>	<b>125.796.491.256</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.220.271	12.147.340
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	125.252.523
<b>Cộng</b>	<b>39.220.271</b>	<b>137.399.863</b>

**04. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	15.079.847.901	17.400.261.937
<b>Cộng</b>	<b>15.079.847.901</b>	<b>17.400.261.937</b>

**05. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	-	204.703.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>204.703.000</b>

**06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(22.797.410.564)	(28.776.035.292)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(22.797.410.564)	(28.776.035.292)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.959.314	2.959.314
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(7.704)</b>	<b>(9.724)</b>

**07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.705.976.363	81.222.552.556
- Chi phí nhân công	11.554.794.566	19.273.535.564
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.870.309.848	7.403.107.695
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.872.321.008	39.519.133.049
- Chi phí khác bằng tiền	1.812.676.884	2.443.555.130
<b>Cộng</b>	<b>67.816.078.669</b>	<b>149.861.883.994</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	590.817.694	865.236.300
Phụ cấp	213.000.000	344.940.000
<b>Cộng</b>	<b>803.817.694</b>	<b>1.210.176.300</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	Công ty mẹ (tỷ lệ vốn góp 52,8%)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</i></b>		
Doanh thu xây lắp	19.207.063.268	70.607.149.945
Lãi tiền vay	-	128.833.978
Đi thuê thí nghiệm công trình	211.779.000	149.823.850

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</i></b>		
Phải thu khách hàng	30.128.133.845	27.500.073.746
Trả trước cho người bán	-	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>30.128.133.845</b>	<b>27.500.073.746</b>
<b><i>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</i></b>		
Phải trả người bán	-	160.401.235
Người mua trả tiền trước	12.833.007.946	17.117.109.993
Phải trả khác	16.189.433.632	3.967.948.636
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>29.022.441.578</b>	<b>21.245.459.864</b>



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### **02. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Hoạt động xây dựng các công trình dân dụng, kỹ thuật.
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Lĩnh vực dịch vụ: Dịch vụ cho thuê xe vận chuyển bê tông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Xây dựng	Sản xuất	Dịch vụ	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	70.723.557.788	1.112.967.752	955.265.593	72.791.791.133
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	93.739.788.438	1.310.029.098	547.294.161	95.597.111.697
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(23.016.230.650)	(197.061.346)	407.971.432	(22.805.320.564)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	44.693.002	703.328	603.670	46.000.000
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.731.929.722	74.465.784	63.914.342	4.870.309.848
<b>Số dư cuối năm</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	244.603.464.504	3.849.294.019	3.303.867.634	251.756.626.158
- Tài sản không phân bổ				876.975.166
<b>Tổng tài sản</b>	<b>244.603.464.504</b>	<b>3.849.294.019</b>	<b>3.303.867.634</b>	<b>252.633.601.324</b>
- Nợ phải trả bộ phận	273.860.071.620	4.309.701.573	3.699.037.660	281.868.810.854
- Nợ phải trả không phân bổ				1.214.229.006
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>273.860.071.620</b>	<b>4.309.701.573</b>	<b>3.699.037.660</b>	<b>283.083.039.860</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**  
Tổ 3; phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Xây dựng	Sản xuất	Dịch vụ	Cộng
<b>Năm trước</b>	123.092.090.099	476.000.000	1.350.545.455	124.918.635.554
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	-	-	-
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	151.459.694.428	582.904.503	1.447.368.915	153.489.967.846
- Chi phí phân bổ	(28.367.604.329)	(106.904.503)	(96.823.460)	(28.571.332.292)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.818.182	-	-	16.818.182
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	7.378.672.048	28.533.498	80.957.533	7.488.163.079
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	282.684.141.424	1.093.146.206	3.101.562.270	286.878.849.900
- Tài sản trực tiếp của bộ phận				537.776.395
- Tài sản không phân bổ				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>282.684.141.424</b>	<b>1.093.146.206</b>	<b>3.101.562.270</b>	<b>287.416.626.295</b>
- Nợ phải trả bộ phận	289.502.291.260	1.119.512.152	3.176.369.849	293.798.173.261
- Nợ phải trả không phân bổ				1.270.481.006
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>289.502.291.260</b>	<b>1.119.512.152</b>	<b>3.176.369.849</b>	<b>295.068.654.267</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Khu vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực lãnh thổ Việt Nam và khu vực lãnh thổ Lào.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

	<b>Việt Nam</b>	<b>Lào</b>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	73.407.004.343	-	73.407.004.343
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	251.756.626.158	-	251.756.626.158
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	46.000.000	-	46.000.000
<b>Năm trước</b>			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	117.776.273.164	7.142.362.390	124.918.635.554
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	277.013.393.818	9.865.456.082	286.878.849.900
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	16.818.182	-	16.818.182



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3; phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	876.975.166	-	537.776.395	-	876.975.166	537.776.395
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.236.049.444	(7.500.656.450)	100.803.541.913	(7.500.656.450)	76.735.392.994	93.302.885.463
Đầu tư tài chính ngắn hạn	734.112.500	-	734.112.500	-	734.112.500	734.112.500
Đầu tư tài chính dài hạn						
<b>Cộng</b>	<b>85.847.137.110</b>	<b>(7.500.656.450)</b>	<b>102.075.430.808</b>	<b>(7.500.656.450)</b>	<b>78.346.480.660</b>	<b>94.574.774.358</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	81.034.593.280	-	-	81.034.593.280
Vay và nợ	124.500.609.425	4.383.029.377	-	128.883.638.802
Chi phí phải trả	3.566.658.581	-	-	3.566.658.581
Các khoản phải trả khác	9.459.989.664	-	-	9.459.989.664
<b>Cộng</b>	<b>218.561.850.950</b>	<b>4.383.029.377</b>	<b>-</b>	<b>222.944.880.327</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565**

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**05. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	73.304.748.355	-	-	73.304.748.355
Vay và nợ	124.008.065.733	2.832.887.800	-	126.840.953.533
Chi phí phải trả	11.254.540.478	-	-	11.254.540.478
Các khoản phải trả khác	21.369.445.146	-	-	21.369.445.146
<b>Cộng</b>	<b>229.936.799.712</b>	<b>2.832.887.800</b>	-	<b>232.769.687.512</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	81.034.593.280	-	-	81.034.593.280
Vay và nợ	124.500.609.425	4.383.029.377	-	128.883.638.802
Chi phí phải trả	3.566.658.581	-	-	3.566.658.581
Các khoản phải trả khác	9.459.989.664	-	-	9.459.989.664
<b>Cộng</b>	<b>218.561.850.950</b>	<b>4.383.029.377</b>	-	<b>222.944.880.327</b>

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 565

Tổ 3, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

### 07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

### 08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2014, Công ty tiếp tục bị lỗ là 22.797.410.564 đồng và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 64.431.849.474 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 30.449.438.536 đồng. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 37.550.346.676 đồng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hòa Bình, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Quang Vịnh

Trần Quang Vịnh

Trần Vũ Tuyên

**CHỨNG THỰC**  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 07 -11- 2016

Số chứng thực: 3605... Quyền số: 01 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Thị Mỹ Bình